CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản

Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và việc kiểm tra nguồn gốc lâm sản như sau[1]:

---

[1] Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục lâm nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản."

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc gỗ, lâm sản ngoài gỗ (sau đây viết chung là lâm sản) trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động khai thác, vận chuyển, chế biến, kinh doanh, cất giữ lâm sản trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:

1. Cơ quan kiểm lâm sở tại bao gồm: Hạt Kiểm lâm các khu rừng đặc dụng, Hạt Kiểm lâm các khu rừng phòng hộ; Hạt Kiểm lâm huyện, thị xã, quận, thành phố (sau đây viết chung là Hạt Kiểm lâm cấp huyện); Chi cục Kiểm lâm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ở những địa phương không có Hạt Kiểm lâm cấp huyện.

2. Hồ sơ lâm sản là các tài liệu ghi chép về lâm sản được thiết lập, lưu giữ tại cơ sở sản xuất, kinh doanh lâm sản và lưu hành cùng với lâm sản trong quá trình khai thác, mua bán, vận chuyển, chế biến, cất giữ.

3. Lâm sản ngoài gỗ là động vật rừng, thực vật rừng không đủ tiêu chuẩn là gỗ quy định tại điểm b, c, Khoản 3, Điều 5 của Thông tư này và các bộ phận, dẫn xuất của chúng.

4. Dẫn xuất của động vật rừng, thực vật rừng là toàn bộ các dạng vật chất được lấy ra từ động vật rừng, thực vật rừng như: máu, dịch mật của động vật rừng; nhựa, tinh dầu được lấy ra từ thực vật rừng chưa qua chế biến.

5. Bảng kê lâm sản là bảng ghi danh mục lâm sản trong cùng một lần nghiệm thu, mua bán, xuất, nhập hoặc lâm sản vận chuyển trên một phương tiện theo đúng quy định tại mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản là sổ ghi chép lâm sản nhập, xuất của tổ chức khai thác, chế biến, kinh doanh lâm sản theo đúng quy định tại mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

7.[2] Vận chuyển nội bộ là trường hợp lâm sản được vận chuyển giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc như: lâm trường, các công ty lâm nghiệp, nhà máy chế biến,

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

các chi nhánh, cửa hàng... trong một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân và hạch toán độc lập; hoặc trường hợp lâm sản được vận chuyển từ doanh nghiệp có tư cách pháp nhân và hạch toán độc lập đến các tổ chức hạch toán phụ thuộc và ngược lại.

Trường hợp vận chuyển lâm sản từ nơi khai thác đến nơi chế biến, kho hàng; vận chuyển lâm sản từ nơi chế biến, kho hàng đến nơi giao hàng giữa bên mua và bên bán theo hợp đồng kinh tế của lô hàng đó cũng là vận chuyển nội bộ".

8. Xác nhận lâm sản là xác định tính hợp pháp về hồ sơ lâm sản và sự phù hợp giữa hồ sơ với lâm sản.

9. Lâm sản chưa qua chế biến là lâm sản sau khai thác, nhập khẩu, xử lý tịch thu chưa được tác động bởi các loại công cụ, thiết bị, còn giữ nguyên hình dạng, kích thước ban đầu.

Điều 4. Xác định số lượng, khối lượng lâm sản

1.[3] Xác định khối lượng gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ đẽo hộp thực hiện theo quy định về quản lý và đóng búa bài cây, búa kiểm lâm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đối với gỗ gốc, rễ, gỗ có hình thù phức tạp, gỗ dạng cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ bao gồm cả rễ, thân, cành, lá, nếu không thể đo được đường kính, chiều dài để xác định khối lượng và gỗ rừng trồng tập trung không phân loại theo cấp đường kính thì cân trọng lượng theo đơn vị là ki-lô-gam (kg) và quy đổi cứ 1.000 kg bằng 1 m^3 gỗ tròn hoặc đo, tính theo đơn vị ster và quy đổi cứ 1 ster bằng 0,7 m^3 gỗ tròn.

2. Xác định số lượng đối với động vật rừng là số cá thể và cân trọng lượng theo đơn vị là kg; trường hợp không thể xác định được số cá thể thì cân trọng lượng theo đơn vị là kg.

Đối với bộ phận, dẫn xuất của động vật, thực vật rừng xác định khối lượng bằng cân trọng lượng theo đơn vị là kg hoặc bằng dung tích theo đơn vị là mi-li-lít (ml) nếu bộ phận, dẫn xuất của động vật rừng ở dạng thể lỏng.

3. Xác định số lượng đối với lâm sản từ thực vật rừng ngoài gỗ bằng cân trọng lượng theo đơn vị là kg.

Điều 5. Bảng kê lâm sản

1. Mẫu bảng kê lâm sản ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng thống nhất đối với tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

2. Bảng kê lâm sản do tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động khai thác, nhập, xuất lâm sản lập khi nghiệm thu, đóng búa kiểm lâm hoặc nghiệm thu, xuất lâm sản trên cùng một lần và một phương tiện vận chuyển.

Tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân lập bảng kê lâm sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác và nguồn gốc lâm sản hợp pháp tại bảng kê lâm sản.

3. Phương pháp lập bảng kê lâm sản

a) Chủ lâm sản ghi đầy đủ các nội dung về lâm sản tại bảng kê lâm sản;

b) Ghi chi tiết đối với khúc, lóng gỗ tròn nguyên khai, gỗ đẽo tròn, gỗ lóc lõi có đường kính đầu nhỏ từ 10 cm đến dưới 20 cm, chiều dài từ 1 mét trở lên hoặc có đường kính đầu nhỏ từ 20 cm trở lên, chiều dài từ 30 cm trở lên và những tấm, hộp gỗ xẻ, gỗ đẽo hộp có chiều dài từ 1m trở lên, chiều rộng từ 20 cm trở lên và chiều dày từ 5 cm trở lên;

c)[4] Ghi tổng hợp chung số lượng, khối lượng hoặc trọng lượng đối với gỗ tròn, gỗ đẽo, gỗ xẻ rừng tự nhiên trong nước không đủ kích thước quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 5 của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT hoặc gỗ khai thác từ rừng trồng tập trung không phân loại theo cấp đường kính.

Trường hợp lập bảng kê lâm sản tổng hợp chung trên đây, khi đưa lâm sản vào chế biến để sản xuất các sản phẩm khác nhau, thì chủ lâm sản phải lập bảng kê lâm sản sử dụng cho sản xuất từng loại sản phẩm và ghi rõ nguồn gốc được trích ra từ bảng kê lâm sản tổng hợp gốc đó;

d) Ghi chi tiết hoặc ghi tổng hợp chung số lượng, khối lượng hoặc trọng lượng đối với từng loại lâm sản ngoài gỗ phù hợp với thực tế;

đ) Tại cuối mỗi trang của bảng kê lâm sản ghi tổng khối lượng lâm sản.

Điều 6. Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản

1. Mẫu sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng thống nhất đối với tổ chức có hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh lâm sản.

2. Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản phải được quản lý tại tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này. Chủ lâm sản có trách nhiệm ghi vào sổ theo dõi lâm sản ngay khi nhập, xuất lâm sản thể hiện rõ các nội dung: ngày tháng nhập, xuất lâm sản; tên lâm sản, nguồn gốc lâm sản; quy cách, số lượng, khối lượng, tồn đầu kỳ, tồn cuối kỳ.

Tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này khi nhập gỗ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên trong nước phải báo cơ quan kiểm lâm sở tại kiểm tra, ký xác nhận tại sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản.

---

[4] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

Điều 7. Xác nhận lâm sản

1. Cơ quan có thẩm quyền xác nhận lâm sản

a) Hạt Kiểm lâm cấp huyện, Chi cục Kiểm lâm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ở những địa phương không có Hạt Kiểm lâm cấp huyện xác nhận lâm sản trong các trường hợp sau:

- Lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên [5] trong nước của tổ chức xuất ra;

- Lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu chưa qua chế biến ở trong nước của tổ chức, cá nhân xuất ra;

- Động vật rừng gây nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra;

- Lâm sản sau xử lý tịch thu chưa chế biến của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra;

- Lâm sản sau chế biến của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra;

- Lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các địa điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Hạt Kiểm lâm khu rừng đặc dụng, Hạt Kiểm lâm khu rừng phòng hộ xác nhận lâm sản xuất ra có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong khu rừng đặc dụng, khu rừng phòng hộ đó và lâm sản sau xử lý tịch thu theo thẩm quyền xử lý của mình.

c)[6] Kiểm lâm địa bàn tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác nhận lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên trong nước của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra.

2. Trình tự, hồ sơ đề nghị xác nhận lâm sản

a) Chủ lâm sản nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ (bản chính) đề nghị xác nhận lâm sản tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 của Điều này.

---

[5] Cụm từ "trồng rừng tập trung" được được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

[6] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

b) Hồ sơ đề nghị xác nhận lâm sản gồm: bảng kê lâm sản, hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu[7] theo quy định của Bộ Tài chính (nếu có) và các tài liệu về nguồn gốc của lâm sản theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Trường hợp lâm sản mua của nhiều cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân khai thác từ vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán thì người mua lâm sản lập bảng kê lâm sản, có chữ ký xác nhận của đại diện cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân đó.

3. Thời gian xác nhận

a) Thời gian xác nhận lâm sản và trả kết quả tại cơ quan xác nhận không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp kiểm tra hồ sơ và lâm sản đảm bảo đúng quy định thì tiến hành xác nhận ngay.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo ngay cho chủ lâm sản biết và hướng dẫn chủ lâm sản hoàn thiện hồ sơ;

b) Trường hợp cần phải xác minh về nguồn gốc lâm sản trước khi xác nhận thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo ngay cho chủ lâm sản biết và tiến hành xác minh những vấn đề chưa rõ về hồ sơ lâm sản, nguồn gốc lâm sản, số lượng, khối lượng, loại lâm sản; kết thúc xác minh phải lập biên bản xác minh. Sau khi xác minh, nếu không có vi phạm thì tiến hành ngay việc xác nhận lâm sản theo quy định tại Thông tư này. Thời gian xác nhận lâm sản trong trường hợp phải xác minh tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp xác minh phát hiện có vi phạm thì phải lập hồ sơ để xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Người đại diện cơ quan Nhà nước xác nhận lâm sản phải ghi ý kiến xác nhận của mình về các nội dung do chủ lâm sản đã ghi trong hồ sơ lâm sản, kể cả số, ngày, tháng, năm ghi trong hóa đơn kèm theo, biển kiểm soát của phương tiện vận chuyển (nếu có); ngày, tháng, năm xác nhận; ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu của cơ quan tại bảng kê lâm sản, chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác và nguồn gốc lâm sản hợp pháp khi xác nhận.

Trường hợp xác nhận lâm sản của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm c, Khoản 1 Điều này còn phải có thêm chữ ký của Kiểm lâm địa bàn tại bảng kê lâm sản; Kiểm lâm địa bàn cũng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác và nguồn gốc lâm sản hợp pháp trong việc tham mưu đó.

---

[7] Cụm từ "hóa đơn bán hàng" được thay thế bởi cụm từ "hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu" theo quy định tại điểm a Điều 2 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

Điều 8. Quản lý, lưu giữ hồ sơ lâm sản

1. Chủ lâm sản có trách nhiệm quản lý hồ sơ lâm sản (bản chính) cùng với lâm sản; lưu giữ hồ sơ lâm sản, sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản trong thời hạn 05 năm kể từ khi lâm sản được xuất ra.

2. Cơ quan có thẩm quyền xác nhận lâm sản có trách nhiệm lưu giữ bảng kê lâm sản sau khi đã xác nhận (bản chính) và các tài liệu về nguồn gốc lâm sản (bản sao chụp) tại trụ sở cơ quan.

Chương II
HỒ SƠ LÂM SẢN HỢP PHÁP

Mục 1
HỒ SƠ NGUỒN GỐC LÂM SẢN

Điều 9. Lâm sản khai thác trong nước

1. Hồ sơ gỗ khai thác chính, khai thác tận dụng, tận thu từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán.

a) Các tài liệu về khai thác gỗ theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện việc khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ (sau đây viết tắt là Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT) và các quy định hiện hành của Nhà nước;

b) Đối với gỗ đủ tiêu chuẩn đóng búa kiểm lâm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm: biên bản xác nhận gỗ đóng dấu búa kiểm lâm kèm theo bảng kê lâm sản.

[8] *(được bãi bỏ)*

2. Hồ sơ lâm sản ngoài gỗ khai thác từ rừng trong nước

a) Đối với thực vật rừng hồ sơ gồm: các tài liệu về khai thác lâm sản ngoài gỗ quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT; bảng kê lâm sản;

b) Đối với động vật rừng: bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại.

Điều 10. Lâm sản nhập khẩu

1. Tờ khai hải quan lâm sản nhập khẩu có xác nhận của cơ quan Hải quan cửa khẩu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

---

[8] Đoạn "Đối với gỗ không đủ tiêu chuẩn đóng búa kiểm lâm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1, Điều 7 của Thông tư này" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

2. Bảng kê lâm sản (Packing-list) của tổ chức, cá nhân nước ngoài xuất khẩu lâm sản.

3. Văn bản chứng nhận về nguồn gốc lâm sản và các tài liệu khác của nước xuất khẩu (nếu có).

4. Giấy phép CITES đối với lâm sản thuộc danh mục các Phụ lục I, II của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Điều 11. Lâm sản xử lý tịch thu

Hồ sơ lâm sản xử lý tịch thu gồm: quyết định xử lý vụ vi phạm hành chính hoặc quyết định xử lý vật chứng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tịch thu lâm sản sung công quỹ Nhà nước, kèm theo biên bản vụ vi phạm và bảng kê lâm sản.

Mục 2
HỒ SƠ LÂM SẢN TRONG LƯU THÔNG

Điều 12. Lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên trong nước

1. Hồ sơ lâm sản của tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu[9] theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại.

2. Hồ sơ lâm sản của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 13. Lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán[10]

1. Hồ sơ lâm sản có nguồn gốc khai thác từ rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu theo quy định của Bộ Tài chính và bảng kê lâm sản.

2. Hồ sơ lâm sản do cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản.

---

[9] Cụm từ "hóa đơn bán hàng" được thay thế bởi cụm từ "hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu" theo quy định tại điểm a Điều 2 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

[10] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

Điều 14. Lâm sản nhập khẩu chưa qua chế biến ở trong nước[11]

1. Hồ sơ một lô lâm sản nhập khẩu trực tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012.

2. Hồ sơ lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu xuất ra

a) Hồ sơ lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu của tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu theo quy định của Bộ Tài chính và bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại;

b) Hồ sơ lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu của cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại.

Điều 15. Động vật rừng được gây nuôi trong nước; bộ phận, dẫn xuất của chúng

1. Hồ sơ của tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu[12] theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại.

2. Hồ sơ của cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại.

Điều 16. Lâm sản sau xử lý tịch thu chưa qua chế biến

1. Hồ sơ lâm sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý xuất ra gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu[13] theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản do cơ quan bán lâm sản lập.

2. Hồ sơ lâm sản do tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu[14] theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại.

3. Hồ sơ lâm sản do cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại.

---

[11] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

[12, 13, 14] Cụm từ "hóa đơn bán hàng" được thay thế bởi cụm từ "hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu" theo quy định tại điểm a Điều 2 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

Điều 17. Lâm sản sau chế biến

1. Hồ sơ lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng tự nhiên trong nước của tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu[15] theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại.

2. Lâm sản sau chế biến từ gỗ nhập khẩu, gỗ sau xử lý tịch thu

a) Hồ sơ lâm sản sau chế biến từ gỗ nhập khẩu, gỗ sau xử lý tịch thu của tổ chức quy định tại điểm a, Khoản 4, Điều 26 của Thông tư này xuất ra gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu[16] theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản;

b) Hồ sơ lâm sản sau chế biến từ gỗ nhập khẩu, gỗ sau xử lý tịch thu của tổ chức quy định tại điểm b, Khoản 4, Điều 26 của Thông tư này xuất ra gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu[17] theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại.

3. Hồ sơ lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng tự nhiên trong nước, gỗ nhập khẩu, gỗ sau xử lý tịch thu của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại.

4. Hồ sơ lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán.

a) Hồ sơ lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu[18] theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản;

b) Hồ sơ lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản.

5. Hồ sơ lâm sản ngoài gỗ sau chế biến

a) Hồ sơ lâm sản ngoài gỗ sau chế biến của tổ chức xuất ra gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu[19] theo quy định của Bộ Tài chính, kèm theo bảng kê lâm sản;

b) Hồ sơ lâm sản ngoài gỗ sau chế biến của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra: bảng kê lâm sản.

[15, 16, 17, 18, 19] Cụm từ "hóa đơn bán hàng" được thay thế bởi cụm từ "hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu" theo quy định tại điểm a Điều 2 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

Điều 18. Vận chuyển lâm sản nội bộ

1. Hồ sơ vận chuyển lâm sản nội bộ trong địa bàn của một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm: phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ[20], kèm theo bảng kê lâm sản.

2. Hồ sơ vận chuyển lâm sản nội bộ giữa các địa điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

a)[21] Hồ sơ vận chuyển gỗ rừng tự nhiên trong nước, gỗ nhập khẩu, gỗ tịch thu chưa qua chế biến; động vật rừng, bộ phận, dẫn xuất của chúng gồm: phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ và bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại.

b) Hồ sơ vận chuyển lâm sản không thuộc quy định tại điểm a của Khoản này gồm: phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ[22], kèm theo bảng kê lâm sản.

Điều 19. Vận chuyển lâm sản quá cảnh

1. Tờ khai hải quan lâm sản quá cảnh có xác nhận của cơ quan Hải quan cửa khẩu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Bảng kê lâm sản (Packing-list) của tổ chức, cá nhân nước ngoài xuất khẩu lô hàng đó.

3. Giấy phép CITES đối với lâm sản thuộc danh mục các Phụ lục I, II của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

4. Trường hợp lâm sản vận chuyển quá cảnh được bốc dỡ trên lãnh thổ của Việt Nam để chuyển tiếp do thay đổi phương tiện vận chuyển hoặc qua trung chuyển tại bến cảng, nhà ga..., hồ sơ lâm sản vận chuyển quá cảnh tiếp theo gồm: bảng kê lâm sản cho từng chuyến, từng phương tiện vận chuyển, kèm theo bản sao chụp có chứng thực hồ sơ lâm sản vận chuyển quá cảnh quy định tại các Khoản 1, 2, 3 của Điều này.

Mục 3
HỒ SƠ LÂM SẢN TẠI CƠ SỞ CHẾ BIẾN, KINH DOANH, CẤT GIỮ

Điều 20. Hồ sơ lâm sản tại cơ sở chế biến, kinh doanh, gây nuôi động vật rừng

Hồ sơ lâm sản tại cơ sở chế biến, kinh doanh, gây nuôi động vật rừng gồm: sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản; hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu[23];

[20, 22] Cụm từ "phiếu xuất kho nội bộ" được thay thế bởi cụm từ "phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ" theo quy định tại điểm a Điều 2 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

[21] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

[23] Cụm từ "hóa đơn bán hàng" được thay thế bởi cụm từ "hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu" theo quy định tại điểm a Điều 2 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

bảng kê lâm sản và các tài liệu khác liên quan đến lâm sản nhập vào, xuất ra quy định tại Thông tư này.

Điều 21. Hồ sơ lâm sản tại nơi cất giữ

Hồ sơ lâm sản tại nơi cất giữ tương ứng với từng loại lâm sản ở các giai đoạn của quá trình chu chuyển lâm sản (nguồn gốc lâm sản; lưu thông lâm sản; chế biến, kinh doanh) theo quy định tại Thông tư này.

Chương III
KIỂM TRA NGUỒN GỐC LÂM SẢN

Mục 1
NGUYÊN TẮC KIỂM TRA LÂM SẢN

Điều 22. Tổ chức hoạt động kiểm tra

1. Kiểm tra lâm sản được thực hiện trong quá trình khai thác, vận chuyển, chế biến, kinh doanh, gây nuôi, cất giữ lâm sản do cơ quan Kiểm lâm các cấp thực hiện.

Trường hợp khi kiểm tra, phát hiện chủ lâm sản không có đầy đủ hồ sơ lâm sản hoặc lâm sản thực tế không phù hợp với hồ sơ lâm sản quy định tại Thông tư này, cơ quan thực hiện kiểm tra phải tổ chức điều tra, xác minh về nguồn gốc lâm sản.

2. Hoạt động kiểm tra lâm sản thực hiện theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất khi phát hiện hoặc có thông tin về dấu hiệu vi phạm pháp luật của chủ lâm sản. Trong quá trình thực hiện kiểm tra, công chức kiểm lâm phải mặc đồng phục kiểm lâm, đeo cấp hiệu, phù hiệu, biển hiệu đúng quy định của Nhà nước.

3. Mọi trường hợp kiểm tra lâm sản phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục kiểm tra theo quy định của pháp luật; phải lập biên bản theo mẫu số 03 hoặc 04 (đối với kiểm tra khai thác lâm sản) ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp kiểm tra phát hiện có vi phạm các quy định của Nhà nước phải lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 99/2009/NĐ-CP ngày 02/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

Điều 23. Kiểm tra theo tin báo

1. Tiếp nhận, xử lý tin báo

a) Khi nhận tin báo về hành vi vi phạm pháp luật, công chức kiểm lâm nhận tin báo phải báo cáo Thủ trưởng đơn vị. Trường hợp công dân trực tiếp đến trụ sở cơ quan để tố cáo phải được lập biên bản về tiếp nhận tin báo của công dân. Trường hợp nhận tin báo qua điện thoại, công chức kiểm lâm nhận tin báo phải đề nghị người báo tin cung cấp các thông tin về: họ tên, địa chỉ, số điện thoại của mình; nếu người báo tin không cung cấp các thông tin này, thì công chức kiểm lâm nhận tin phải báo cáo ngay Thủ trưởng đơn vị;

b) Thủ trưởng cơ quan kiểm lâm có trách nhiệm lập sổ theo dõi tin báo và tổ chức quản lý sổ theo dõi tin báo theo chế độ quản lý tài liệu mật.

2. Tổ chức kiểm tra theo tin báo

Tin báo của các tổ chức, cá nhân dưới mọi hình thức được coi là căn cứ để xem xét việc tổ chức kiểm tra lâm sản. Thủ trưởng đơn vị nhận tin báo quyết định việc triển khai kiểm tra theo tin báo khi có căn cứ xác đáng.

Mục 2
KIỂM TRA KHAI THÁC LÂM SẢN

Điều 24. Kiểm tra thực hiện các quy định về khai thác lâm sản

1. Nội dung kiểm tra

a) Việc chấp hành quy định của pháp luật trước khi khai thác: phê duyệt thiết kế khai thác, giấy phép khai thác, chuẩn bị hiện trường (phát luỗng rừng, làm mới, sửa chữa đường vận xuất, kho bãi gỗ, mốc giới khu khai thác);

b) Việc chấp hành quy định của pháp luật trong và sau quá trình khai thác: địa danh khai thác; chấp hành quy trình kỹ thuật; số lượng, khối lượng, chủng loại lâm sản khai thác chính, tận dụng, vệ sinh rừng; việc bàn giao rừng, bảo vệ rừng sau khai thác;

c) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến khai thác lâm sản.

2. Phương pháp kiểm tra

a) Kiểm tra toàn bộ tại hiện trường hoặc chọn ngẫu nhiên tối thiểu 30% (ba mươi phần trăm) diện tích rừng được phép khai thác;

b) Đối chiếu hồ sơ khai thác với lâm sản khai thác thực tế tại hiện trường.

Điều 25. Kiểm tra lâm sản được khai thác

1. Đối với gỗ đã khai thác, vận xuất, vận chuyển tới tại bãi tập trung thực hiện kiểm tra gỗ đồng thời với đóng dấu búa kiểm lâm như sau:

a) Kiểm tra địa điểm tập trung gỗ sau khai thác; số lượng, khối lượng, tên loài, việc cắt khúc, đánh số thứ tự đầu cây; dấu búa bài cây... theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Kiểm tra hồ sơ khai thác theo quy định tại Điều 24 của Thông tư này.

2. Đối với lâm sản ngoài gỗ kiểm tra về số lượng, khối lượng, tên loài; kiểm tra, xác nhận tại bảng kê lâm sản; hồ sơ khai thác theo quy định tại Điều 24 của Thông tư này.

Mục 3
KIỂM TRA LÂM SẢN TẠI CƠ SỞ CHẾ BIẾN, KINH DOANH, NƠI CẤT GIỮ; CƠ SỞ GÂY NUÔI ĐỘNG VẬT RỪNG

Điều 26. Kiểm tra cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản

1. Khi kiểm tra lâm sản tại cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản phải có văn bản của Thủ trưởng cơ quan kiểm lâm có thẩm quyền.

Trường hợp phát hiện lâm sản có nguồn gốc không hợp pháp, thì công chức kiểm lâm đang thi hành công vụ được quyền tổ chức kiểm tra ngay, đồng thời báo cáo cho Thủ trưởng cơ quan.

2. Chủ cơ sở chế biến, kinh doanh phải chấp hành các yêu cầu kiểm tra của công chức kiểm lâm kiểm tra; xuất trình ngay hồ sơ về quản lý cơ sở chế biến, kinh doanh và nguồn gốc lâm sản theo quy định tại Thông tư này.

3. Nội dung kiểm tra

a) Hồ sơ quản lý cơ sở chế biến, kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có hoạt động về chế biến, kinh doanh lâm sản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp;

b) Hồ sơ lâm sản;

c) Lâm sản hiện có tại cơ sở chế biến, kinh doanh;

d) Kiểm tra dấu búa kiểm lâm đối với gỗ phải đóng búa kiểm lâm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Việc lưu trữ hồ sơ lâm sản.

4. Trong quý I hàng năm Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm rà soát, phân loại; thông báo công khai đến cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản trên địa bàn và niêm yết tại trụ sở Chi cục Kiểm lâm, đồng thời báo cáo Cục Kiểm lâm về việc chấp hành pháp luật của các tổ chức này theo hai loại:

a) Cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản chấp hành tốt các quy định của Nhà nước;

b) Cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản có vi phạm các quy định của Nhà nước về hồ sơ lâm sản hoặc chấp hành chưa đầy đủ các quy định của Nhà nước.

Điều 27. Kiểm tra cất giữ lâm sản

1. Kiểm tra nơi cất giữ lâm sản không thuộc quy định tại Điều 26 của Thông tư này kể cả nhà ga, bến cảng, kho vận phải có văn bản của Thủ trưởng cơ quan kiểm lâm.

Trường hợp phát hiện lâm sản có nguồn gốc không hợp pháp, thì công chức kiểm lâm đang thi hành công vụ được quyền tổ chức kiểm tra ngay, đồng thời báo cáo cho Thủ trưởng cơ quan.

2. Chủ nơi cất giữ và chủ lâm sản phải chấp hành các yêu cầu của công chức kiểm lâm; xuất trình ngay hồ sơ lâm sản đang được cất giữ theo quy định tại Thông tư này.

3. Nội dung kiểm tra

a) Hồ sơ lâm sản đang cất giữ;

b) Lâm sản hiện có tại nơi cất giữ;

c) Kiểm tra dấu búa kiểm lâm đối với gỗ phải đóng búa kiểm lâm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 28. Kiểm tra cơ sở gây nuôi động vật rừng

1. Khi kiểm tra cơ sở gây nuôi động vật rừng công chức kiểm lâm kiểm tra phải có văn bản của Thủ trưởng cơ quan kiểm lâm có thẩm quyền.

Trường hợp phát hiện lâm sản có nguồn gốc không hợp pháp, thì công chức kiểm lâm đang thi hành công vụ được quyền tổ chức kiểm tra ngay, đồng thời báo cáo cho Thủ trưởng cơ quan.

2. Nội dung kiểm tra

a) Việc chấp hành quy định của pháp luật về gây nuôi: giấy chứng nhận đăng ký gây nuôi, điều kiện chuồng trại, nguồn gốc động vật, vệ sinh môi trường;

b) Hồ sơ nhập, xuất động vật rừng;

c) Động vật rừng đang nuôi.

Mục 4
KIỂM TRA LÂM SẢN TRONG LƯU THÔNG

Điều 29. Kiểm tra lâm sản đang vận chuyển

1. Công chức kiểm lâm chỉ được dừng phương tiện đường bộ, đường thủy đang lưu thông để kiểm tra lâm sản khi có căn cứ xác định trên phương tiện có vận chuyển lâm sản trái pháp luật. Người chỉ huy dừng phương tiện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định dừng phương tiện của mình.

Hiệu lệnh dừng phương tiện có thể sử dụng một hoặc sử dụng kết hợp còi, cờ hiệu kiểm lâm, đèn pin.

Không đặt sào chắn (ba-ri-e) trên đường bộ để dừng phương tiện giao thông để kiểm tra lâm sản. Trường hợp đặc biệt, phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm về chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

2. Người điều khiển phương tiện vận chuyển lâm sản phải chấp hành hiệu lệnh dừng phương tiện của công chức kiểm lâm; xuất trình ngay hồ sơ lâm sản (bản chính) trên phương tiện theo quy định tại Thông tư này và hồ sơ về phương tiện vận chuyển theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Nội dung kiểm tra

a) Hồ sơ lâm sản;

b) Lâm sản hiện có trên phương tiện vận chuyển;

c) Kiểm tra dấu búa kiểm lâm đối với gỗ phải đóng búa kiểm lâm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sau khi kiểm tra, người chủ trì kiểm tra phải ghi tên của cơ quan kiểm tra; ngày, tháng, năm, địa điểm kiểm tra; khối lượng, số lượng lâm sản trên phương tiện

vận chuyển; ký, ghi rõ họ tên tại mặt sau tờ hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu[24] và bảng kê lâm sản.

Điều 30. Kiểm tra lâm sản nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh tại cửa khẩu

Trong trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh, Chi cục Kiểm lâm phối hợp với cơ quan Hải quan cửa khẩu tổ chức kiểm tra, xác minh nguồn gốc lâm sản theo quy định tại Thông tư này và các quy định hiện hành của pháp luật.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Hiệu lực thi hành[25]

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

2. Thông tư này thay thế Quyết định số 59/2005/QĐ-BNN ngày 10/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định về kiểm tra, kiểm soát lâm sản.

Điều 32. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ 03 tháng một lần vào ngày cuối quý, cơ sở khai thác, chế biến, kinh doanh lâm sản gửi báo cáo theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này về tình hình nhập, xuất lâm sản cho cơ quan kiểm lâm sở tại.

2. Đối với các cơ quan có thẩm quyền xác nhận lâm sản

a) Định kỳ 01 tháng một lần vào tuần đầu của tháng kế tiếp, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này về tình hình xác nhận lâm sản cho cơ quan kiểm lâm sở tại, nếu trong tháng có xác nhận lâm sản quy định tại Thông tư này;

---

[24] Cụm từ "hóa đơn bán hàng" được thay thế bởi cụm từ "hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu" theo quy định tại điểm a Điều 2 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

[25] Điều 3 của Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012, quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/10/2012.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giải quyết".

b) Định kỳ 01 quý một lần vào tuần thứ 2 của quý kế tiếp, cơ quan kiểm lâm sở tại gửi báo cáo theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này về tình hình nhập, xuất lâm sản trên địa bàn cho Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh;

c) Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp, báo cáo tình hình quản lý lâm sản và kiểm tra nguồn gốc lâm sản trên địa bàn theo quy định tại Thông tư này khi Cục Kiểm lâm yêu cầu.

Điều 33. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Thông tư này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số: 25/VBHN-BNNPTNT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2014

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

Mẫu số 01: Bảng kê lâm sản, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNN ngày 04/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..../BKLS Tờ số:.....

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Kèm theo..... ngày...../...../20... của.....)

TT	Tên lâm sản	Nhóm gỗ	Đơn vị tính	Quy cách lâm sản	Số lượng	Khối lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8

Ngày..... tháng..... năm 20.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LẬP BẢNG KÊ LÂM SẢN

Mẫu số 02: Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNN ngày 04/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

SỔ THEO DÕI NHẬP, XUẤT LÂM SẢN

NHẬP XƯỞNG						XUẤT XƯỞNG					
Ngày tháng năm	Tên lâm sản (Nếu là gỗ thì ghi thêm nhóm gỗ)	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng	Hồ sơ nhập lâm sản kèm theo	Ngày tháng năm	Tên lâm sản (Nếu là gỗ thì ghi thêm nhóm gỗ)	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng	Hồ sơ xuất lâm sản kèm theo
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Ghi chú: cuối mỗi tháng ghi tổng hợp số lượng, khối lượng từng loại lâm sản nhập, xuất, tồn kho trong tháng vào cuối trang của tháng đó.

Mẫu số 03: Biên bản kiểm tra lâm sản, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNN ngày 04/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN KIỂM TRA LÂM SẢN

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., hồi..... giờ.....
Tại:.....
Chúng tôi gồm:
1....., chức vụ:....., đơn vị:.....
2....., chức vụ:....., đơn vị:.....
3....., chức vụ:....., đơn vị:.....
Tiến hành kiểm tra lâm sản của:.....
Địa chỉ:....., nghề nghiệp:.....
CMND số:.....; ngày cấp....., nơi cấp.....
Nội dung kiểm tra:
.....
.....
.....
.....
.....
.....
Hồ sơ lâm sản kèm theo gồm có:.....
.....
.....
Kết luận sau kiểm tra:
a) Về nguồn gốc lâm sản:.....
.....
.....
b) Về tính hợp pháp của lâm sản:.....
.....
.....

Việc kiểm tra kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày.... tháng.... năm....., trong quá trình kiểm tra không làm hư hỏng, mất mát gì.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận đúng, ký và ghi rõ họ tên vào biên bản.

Biên bản lập thành 3 bản, giao cho người/tổ chức được kiểm tra một bản./.

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC ĐƯỢC KIỂM TRA	**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KIỂM TRA**

Mẫu số 04: Biên bản kiểm tra khai thác lâm sản, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNN ngày 04/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN KIỂM TRA KHAI THÁC LÂM SẢN

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., hồi..... giờ.....
Tại:.....
Chúng tôi gồm:
1....., chức vụ:....., đơn vị:.....
2....., chức vụ:....., đơn vị:.....
2....., chức vụ:....., đơn vị:.....
Tiến hành kiểm tra việc khai thác lâm sản của:.....
Địa chỉ:....., nghề nghiệp:.....
CMND số:.....; ngày cấp....., nơi cấp.....
Nội dung kiểm tra:
1. Kiểm tra hồ sơ khai thác.....
.....
.....
.....
.....
2. Kiểm tra hiện trường khai thác.....
.....
.....
.....
.....
3. Kiểm tra lâm sản sau khai thác.....
.....
.....
.....
.....
Kết luận sau kiểm tra:
.....
.....
.....

Sau khi đọc lại biên bản, những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận đúng, ký và ghi rõ họ tên vào biên bản.

Biên bản lập thành 3 bản, giao cho người/ tổ chức được kiểm tra một bản./.

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC ĐƯỢC KIỂM TRA	**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KIỂM TRA**

Mẫu số 05: Báo cáo nhập, xuất lâm sản, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNN ngày 04/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

ĐƠN VỊ BÁO CÁO
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO NHẬP, XUẤT LÂM SẢN
(Tháng..... năm 20.....)

TT	Tên lâm sản	Nhóm gỗ	Đơn vị tính	LÂM SẢN NHẬP VÀO			LÂM SẢN XUẤT RA	Tồn kho cuối kỳ
				Tồn kho đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Tổng cộng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Ngày..... tháng..... năm 20.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO**

Mẫu số 06: Báo cáo xác nhận lâm sản xuất ra, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNN ngày 04/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

ĐƠN VỊ BÁO CÁO
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO XÁC NHẬN LÂM SẢN XUẤT RA
(Tháng..... năm 20.....)

TT	Tên lâm sản	Nhóm gỗ	Đơn vị tính	Khối lượng lâm sản xác nhận xuất ra	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

Ngày..... tháng..... năm 20...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ **NGƯỜI LÀM BÁO CÁO**